

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/HS-ST
Ngày 31 – 3 – 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa P tòa: Bà Nguyễn Thùy Nhiêu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Trọng Tâm

Bà Cao Hồng Cẩm

- Thư ký P tòa: Bà Phạm Thị Cúc – Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia P tòa: Ông Châu Long - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 228/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đặng Thị Yến P, tên gọi khác: Đặng Thị Yến K; sinh ngày 12/8/2003 (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 08 tháng 18 ngày); tại M; nơi cư trú: ấp 8, xã A, thành phố C, tỉnh M; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn M, sinh năm 1974 và bà Lâm Thị Bích C, sinh năm 1979; chồng, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tốt; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/8/2021 cho đến nay (Bị cáo có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo P: Ông Trần Dân Quốc là Luật sư của Văn phòng luật sư Chánh Kiến thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị hại: Ông Trần Minh T, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Số 38, đường L, khóm 1, phường 4, thành phố C, tỉnh M (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T: Ông Phạm Xuân Ký. Nơi cư trú: Số 7A, đường 3/2, khóm 5, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; Là Luật sư của Công ty Luật TNHH Luật Sống thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Đặng Văn M, sinh năm 1974 và bà Lâm Thị Bích C, sinh năm 1979. Cùng nơi cư trú: Ấp 8, xã A, thành phố C, tỉnh M (có mặt).

2/ Anh Mạc Thiên H, sinh ngày 24/10/2002. Nơi cư trú: Số 167, đường R,

khóm 1, phường 8, thành phố C, tỉnh M (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại P tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2018, Đặng Thị Yến P đến làm thuê phụ giúp việc nhà cho gia đình ông Trần Minh T (chủ tiệm vàng Thanh T). Do nghi ngờ P trộm cắp tài sản, đến ngày 09/3/2021 ông T xem camera thì phát hiện P có hành vi lấy trộm tiền của ông T. Sau đó, ông T mời P cùng gia đình đến hỏi sự việc thì P thừa nhận có lấy trộm số tiền 30.350.000đồng vào ngày 08/3/2021 và thừa nhận từ tháng 05 năm 2020 đến ngày 08 tháng 3 năm 2021 P nhiều lần thực hiện hành vi trộm tiền và vàng của ông T.

Quá trình điều tra, Đặng Thị Yến P khai nhận số tiền và vàng đã trộm của ông Trần Minh T thời gian bắt đầu trộm từ tháng 05 năm 2020 đến ngày bị phát hiện là ngày 08/3/2021 cụ thể như sau:

Đối với số tiền thì hàng ngày lợi dụng sự thiếu quan sát của ông T, P lấy ít nhất 500.000đồng nhiều nhất 5.000.000đồng, đến ngày 08/3/2021 P lấy trộm số tiền 30.350.000đồng (đây là số tiền P trộm nhiều nhất trong các lần trộm) thì bị phát hiện. Tổng số tiền P lấy trộm của ông T là 313.980.000đồng. Số tiền lấy trộm này được P sử dụng cụ thể như sau: Sau khi lấy được tiền của ông T thì P tổng hợp lại gửi 02 sổ tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Kiên Long chi nhánh M, mỗi cuốn sổ tiết kiệm là 100.000.000đồng = 200.000.000đồng. Còn số tiền 50.000.000đồng thì cất giấu trong phòng ngủ tại nhà và số tiền 43.240.000 đồng thì P gửi cho bạn trai là Mạc Thiên H, ngoài ra trong thời gian trộm tiền của ông T thì P còn chuyển cho Mạc Thiên H 15.000.000đồng và 5.740.000đồng để mua 01 chiếc vòng đeo vàng 24k tại tiệm vàng Thành Trung. Trong tổng số tiền trộm cắp là 313.980.000đồng đã bao gồm số tiền mà bị cáo P bán 03 (ba) trái châu vàng 24k trộm cắp của ông T được số tiền là 4.500.000đồng.

Đối với số vàng thì P thừa nhận từ tháng 5/2020 đến tháng 3/2021 P thực hiện nhiều lần trộm vàng, sau khi mỗi lần trộm thì P đem về nhà và ghi tên loại vàng thành phẩm trên tờ lịch (quá trình điều tra bị cáo đã tiêu hủy tờ lịch này).

Quá trình điều tra có tạm giữ số vàng của Đặng Thị Yến P như sau:

- + 05 chiếc nhẫn vàng 24k.
- + 01 chiếc nhẫn vàng 18k.
- + 06 sợi dây chuyền vàng 18k.
- + 03 vòng vàng 18k.
- + 01 vòng vàng 24k.
- + 01 lắc chuỗi vàng 24k.
- + 01 lắc chuỗi vàng 24K.
- + 07 đôi bông tai vàng 18k.
- + 02 mặt dây chuyền vàng 18k.

- + 01 trái châu vàng 24k.
- + 01 con tùy hưu vàng 24k.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 73/KL-HĐĐG ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận:

- Thời điểm tháng 5 năm 2020
 - + Một trái châu vàng 24k, trọng lượng 0,74 chỉ. Trị giá: 3.396.600đồng.
- Thời điểm tháng 6 năm 2020
 - + Một nhẫn vàng 18k, trọng lượng 1,18 chỉ. Trị giá: 3.976.000 đồng.
- Thời điểm tháng 7 năm 2020
 - + Một đôi bông vàng 18k, trọng lượng 0,92 chỉ. Trị giá: 3.210.800 đồng.
- Thời điểm tháng 8 năm 2020
 - + Một đôi bông vàng 18k, trọng lượng 0,746 chỉ. Trị giá: 2.611.000 đồng.
 - + Một đôi bông vàng 18k, trọng lượng 0,76 chỉ. Trị giá: 2.865.200 đồng.
- Thời điểm tháng 9 năm 2020
 - + Một dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 1,114 chỉ. Trị giá: 4.244.340 đồng.
 - + Một đôi bông vàng 18k, trọng lượng 0,6 chỉ. Trị giá: 2.274.000 đồng.
- Thời điểm tháng 10 năm 2020
 - + Một dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 5,352 chỉ. Trị giá: 20.177.040 đồng.
 - + Một đôi bông vàng 18k, trọng lượng 0,94 chỉ. Trị giá: 3.562.000đồng.
- Thời điểm tháng 11 năm 2020
 - + Một dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 2,378 chỉ. Trị giá: 8.869.940đồng.
 - + Một đôi bông vàng 18k, trọng lượng 0,81 chỉ. Trị giá: 3.021.300đồng.
- Thời điểm tháng 12 năm 2020
 - + Một vòng vàng 18k, trọng lượng 1,252 chỉ. Trị giá: 4.732.560đồng.
 - + Một dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 2,696 chỉ. Trị giá: 10.163.920đồng.
 - + Một lắc vàng 18k, trọng lượng 0,91 chỉ. Trị giá: 3.430.700đồng
 - + Một mặt dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 0,284 chỉ. Trị giá: 1.084.880đồng.
- Thời điểm tháng 01 năm 2021
 - + Hai nhẫn vàng 24k, trọng lượng 02 chỉ. Trị giá: 10.960.000đồng.
 - + Một vòng vàng 18k, trọng lượng 0,834 chỉ. Trị giá: 3.219.240đồng.
 - + Một dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 1,926 chỉ. Trị giá: 7.434.360đồng.
 - + Một lắc vàng 24k, trọng lượng 0,27 chỉ. Trị giá: 1.458.000đồng.
 - + Một mặt dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 0,858 chỉ. Trị giá: 3.311.800đồng.
- Thời điểm tháng 02 năm 2021
 - + Một đôi bông vàng 18k, trọng lượng 0,16 chỉ. Trị giá: 624.000đồng.
 - + Một nhẫn vàng 24k, trọng lượng 01 chỉ. Trị giá: 5.450.000đồng.
 - + Một con tỳ hưu vàng 24k, trọng lượng 0,27 chỉ. Trị giá: 1.452.600đồng.
 - + Một dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 1,96 chỉ. Trị giá: 7.526.400đồng.

+ Một vòng vàng 18k, trọng lượng 1,136 chỉ. Trị giá: 4.294.080đồng.

+ Một nhẫn vàng 24k, trọng lượng 01 chỉ. Trị giá: 5.260.000đồng.

- Thời điểm tháng 3 năm 2021

+ Một nhẫn vàng 24k, trọng lượng 01 chỉ. Trị giá: 5.240.000đồng.

Tổng cộng số vàng theo định giá có giá trị là 133.851.360đồng.

Tổng số tiền mặt và các loại vàng thành phẩm mà Đặng Thị Yến P trộm cắp của ông Trần Thanh T là 447.813.360đồng.

Tại Cáo trạng số: 219/CT-VKS ngày 29/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau đã truy tố bị cáo Đặng Thị Yến P về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại P tòa:

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo theo Cáo trạng số 219/CT-VKS ngày 29/11/2021 và đề nghị tuyên bố Đặng Thị Yến P phạm tội “trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo P từ 08 đến 09 năm tù; Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, ông T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì. Tuy nhiên, tại P tòa ông xác định còn bị mất số tiền khoản hơn 03 (ba) tỷ đồng và nghi ngờ bị cáo P lấy trộm. Qua xem xét tài liệu, chứng cứ chưa có cơ sở xác định bị cáo P trộm số tiền trên nên không xem xét. Đối với Mạc Thiên H, qua điều tra xác định việc P gửi vàng và tiền cho H thì H không biết tiền và vàng do P trộm cắp mà có nên không đề cập xử lý.

- Bị cáo P thừa nhận hành vi phạm tội đã thực hiện đúng như Cáo trạng đã thể hiện, không oan sai và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo xác định bị cáo không lấy trộm số tiền hơn 03 tỷ đồng như lời trình bày của ông T.

- Người bào chữa cho bị cáo Đặng Thị Yến P trình bày: Bị cáo P phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với những lý do sau: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả cho phía bị hại đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51; bên cạnh đó, khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, bị cáo có nhân thân tốt; vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt dưới mức thấp nhất có thể để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm.

- Bị hại là ông Trần Minh T xác định: Vào khoảng tháng 5/2021, qua kiểm tra sổ sách ghi chép kinh doanh tại nhà thì phát hiện còn mất số tiền hơn 03 tỷ đồng và nghi ngờ bị cáo P là người trộm. Ông yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét xử lý theo quy định pháp luật.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T trình bày: Trên cơ sở các biên bản ghi lời khai tại hồ sơ thể hiện bị cáo thực hiện hành vi trộm liên tục, nhiều lần tiền và vàng của ông T, hiện tại ông T xác định còn bị mất thêm số tiền khoảng hơn 03 tỷ đồng, đề nghị HĐXX xem xét xử lý theo quy định pháp luật. Đồng thời yêu cầu xem xét hành vi của anh Mạc Thiên H về việc cất giữ số tiền và vàng trộm cắp của ông T do bị cáo P gửi.

Đối với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo: Quá trình điều tra thể hiện, hành vi bị cáo bị phát hiện đến đâu bị cáo thừa nhận đến đó nên không thống nhất với việc Kiểm sát viên đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đề nghị HĐXX áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “có tính chất chuyên nghiệp” và “phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm b, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo P.

- Ông Đặng Văn M và bà Lâm Thị Bích C trình bày: Thống nhất với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Hiện tại bị cáo đã khắc phục trả lại toàn bộ tài sản trộm cho phía bị hại nên xin được giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Anh Mạc Thiên H trình bày: Anh xác định anh không liên quan gì đối với số tiền và vàng bị cáo P đưa cho anh giữ, anh không biết do bị cáo P lấy trộm của ông T. Hiện toàn bộ số tiền vàng trên anh đã đưa lại cho ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại P tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Cà Mau, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Quá trình điều tra và tại P tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người liên quan và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, từ đó có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ tháng 5 năm 2020 đến ngày 08 tháng 3 năm 2021, Đặng Thị Yến P trong thời gian phụ giúp việc nhà cho tiệm vàng Thanh T do ông Trần Minh T làm chủ. Đặng Thị Yến P đã lợi dụng sự thiếu cảnh giác của ông Trần Minh T lén lút chiếm đoạt tiền mặt của ông T là 313.980.000đồng và các loại vàng thành phẩm theo kết luận định giá là: 133.851.360đồng. Tổng giá trị tài sản trộm được là 447.831.360đồng nhằm mục đích tư lợi cá nhân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở H tài sản của bị hại, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo biết rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn thực hiện

tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi bị cáo đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật hình sự, đúng như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau truy tố.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt.

Quá trình điều tra và tại P tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả cho bị hại. Do đó, bị cáo P được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đồng thời, tại P tòa bị cáo cung cấp Đơn xin xác nhận và tài liệu kèm theo thể hiện bị cáo có bà ngoại là bà Nguyễn Thị Mận có công với cách mạng, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trong vụ án này bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo là người giúp việc nhà cho gia đình ông T, vì xuất phát từ lòng tham và lợi dụng sự sơ hở, thiếu kiểm tra của bị hại mà bị cáo đã liên tiếp trộm cắp tiền và vàng của ông T, số tiền và vàng trộm cắp cụ thể từng lần bị cáo không nhớ rõ. Đồng thời, sau khi trộm cắp bị cáo không sử dụng mà cất giữ số tiền, vàng tại nhà và gửi tiết kiệm. Do đó, đối với đề nghị của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị hại về việc áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là không có căn cứ chấp nhận.

Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có nhân thân tốt, không tiền án, không tiền sự nên cần giảm nhẹ hình phạt khi lượng hình. Đồng thời, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên áp dụng quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đối với bị cáo.

Tuy nhiên, dù có giảm nhẹ hình phạt đến đâu thì xét thấy hành vi bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc T hợp rất nghiêm trọng, tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại có giá trị lớn, do đó cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm có thời gian để bị cáo suy nghĩ và sửa chữa sai lầm.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, ông T xác định đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì. Tại P tòa, ông T khai vào khoảng tháng 5/2021 ông phát hiện còn bị mất số tiền khoảng hơn 03 tỷ đồng và nghi ngờ do bị cáo P trộm cắp. Tuy nhiên, tại thời điểm tháng 5/2021 thì cơ quan điều tra đang điều tra vụ án nhưng ông lại không đề cập để xem xét, tại P tòa ngoài lời trình bày của ông thì ông cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác thể hiện lời trình bày của ông là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu này của ông T là phù hợp.

[5] Về vật chứng: Gồm 05 chiếc nhẫn vàng 24k; 01 chiếc nhẫn vàng 18k; 06 sợi dây chuyền vàng 18k; 03 vòng vàng 18k; 01 vòng vàng 24k; 01 lắc chuỗi vàng 24k; 01 lắc chuỗi vàng 24K; 07 đôi bông tai vàng 18k; 02 mặt dây chuyền vàng

18k; 01 trái châu vàng 24k; 01 con tùy hưu vàng 24k và 20 tem giấy đã được trả lại cho bị hại trong quá trình điều tra nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[6] Đối với Mạc Thiên H là bạn trai của Đặng Thị Yến P, qua điều tra và tại P tòa xác định việc P gửi vàng và tiền cho H thì H không biết tiền và vàng do P trộm cắp mà có nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý đối với Mạc Thiên H là phù hợp.

[7] Về án phí, bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào các Điều 106, 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Đặng Thị Yến P (Đặng Thị Yến Khuyên) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Đặng Thị Yến P (Đặng Thị Yến Khuyên) 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Đặng Thị Yến P phải nộp số tiền là 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng – chưa nộp).

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND Tp.C;
- VKSND tỉnh C;
- Cơ quan CSĐT Công an Tp.C;
- Cơ quan THA hình sự Tp.C;
- Cơ quan thi hành án dân sự Tp.C;
- Nhà tạm giữ CA Tp.C;
- Lưu hồ sơ; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA P TÒA**

Nguyễn Thùy Nhiêu